

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)”, tỉnh Hưng Yên**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 3071/BTNMT-TCMT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định và báo cáo của Tổng cục Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)”, tỉnh Hưng Yên;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)”, tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại

huyện Yên Mỹ và thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Sở TN&MT tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, VH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KHU CÔNG  
NGHIỆP THĂNG LONG II (MỞ RỘNG) GIAI ĐOẠN 3, TỈNH  
HUNG YÊN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

Tên dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3)”, tỉnh Hưng Yên (gọi tắt là Dự án hoặc KCN).

Địa điểm thực hiện: huyện Yên Mỹ và thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Chủ dự án: Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long II.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Mở rộng KCN Thăng Long II hiện hữu thêm 180,5 ha, nâng tổng diện tích KCN Thăng Long II lên 525,7 ha, bao gồm:

+ Đất nhà máy, kho tàng: 401,415 ha.

+ Đất điều hành dịch vụ công cộng: 4,96 ha.

+ Đất kỹ thuật: 7,455 ha.

+ Đất giao thông: 45,69 ha.

+ Đất cây xanh, mặt nước: 66,18 ha.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án không bao gồm việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thiện xây dựng của KCN Thăng Long II (trong giai đoạn 1 và 2) trên diện tích đất 345,2 ha theo các báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1136/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 7 năm 2007 và Quyết định số 1995/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 11 năm 2012.

- Ngành nghề thu hút đầu tư: các ngành nghề đang hoạt động trong khu công nghiệp như được xác nhận tại Giấy phép môi trường số 132/GPMT-BTNMT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; tuân thủ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt đề án quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Thăng Long II mở rộng (giai đoạn 3), tỷ lệ 1/2000 (sản xuất các sản phẩm điện tử và cơ khí chính xác; các ngành cơ khí điện tử, máy móc giao thông; sản xuất các sản phẩm từ cao su phục vụ lắp ráp ô tô; công nghiệp nhẹ, khí công nghiệp; sản xuất thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học; sản xuất kính quang học; ... và các ngành sản xuất thuộc lĩnh vực công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật).

- Ngành nghề không tiếp tục thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp là các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, trừ ngành sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử (thuộc nội dung của Giấy phép môi trường số 132/GPMT-BTNMT nêu trên).

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

### 1.3.1. Các hạng mục công trình:

1.3.1.1. Các hạng mục đã hoàn thiện, đang hoạt động theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long II” được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1136/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 7 năm 2007, bao gồm:

- + Hệ thống đường giao thông nội bộ và kết nối với đường giao thông bên ngoài.
- + Hệ thống chiếu sáng và hệ thống thông tin liên lạc.
- + Hệ thống cấp nước; một phần của trạm xử lý nước cấp công suất 24.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bao gồm 05 mô đun.

- + Khu trung tâm điều hành Khu công nghiệp (được dùng chung cho KCN Thăng Long II giai đoạn 1 và 2).

- + Hệ thống cây xanh, cảnh quan.

- + Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; nước mưa chảy vào hồ điều hòa trước khi xả ra Kênh Trần Thành Ngọ và Hồ Chí Minh.

- + 02 hồ điều hòa (RP1 và RP2) có dung tích lần lượt là 42.800 m<sup>3</sup>; 63.200 m<sup>3</sup>;

- + 01 Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15 m<sup>2</sup>.

- + Hệ thống thu gom nước thải và 01 Trạm xử lý nước thải tập trung (XLNT TT) có tổng công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (bao gồm 03 đơn nguyên: đơn nguyên 1 công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, đơn nguyên 2 công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm và đơn nguyên 3 công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; 03 đơn nguyên có chung bể gom nước thải đầu vào và hồ chứa nước thải sau xử lý) để xử lý nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2) (trừ nước thải sản xuất của Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II và Công ty TNHH Kyocera Việt Nam nằm trong KCN Thăng Long II giai đoạn 1) đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra kênh Trần Thành Ngọ.

- + 01 khu vực lưu giữ bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung diện tích 196 m<sup>2</sup>.

- + 02 khu vực lưu giữ bùn thải từ trạm xử lý nước cấp có diện tích lần lượt là 306 m<sup>2</sup> và 105 m<sup>2</sup>.

- + 01 Hồ sự cố cho trạm xử lý nước thải tập trung có tổng dung tích là 66.000 m<sup>3</sup>. Thành hồ được xây bằng đá hộc trát xi măng để ngăn ngừa nước thải thẩm thấu ra môi trường đất. Mực nước trong hồ được duy trì ở cao độ +0,3 m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

- + 01 Hệ thống quan trắc tự động nước thải đặt tại cuối kênh hở dẫn nước thải sau xử lý trước khi xả vào hồ chứa nước thải sau xử lý.

1.3.1.2 Các hạng mục đã hoàn thiện, đang hoạt động theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng Khu công nghiệp Thăng Long II (giai đoạn 2) huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, hạng mục: cơ sở hạ tầng” được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1995/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 11 năm 2012, bao gồm:

- + Hệ thống đường giao thông nội bộ và kết nối với đường giao thông bên ngoài.

- + Hệ thống chiếu sáng và hệ thống thông tin liên lạc.

- + Hệ thống cấp nước.

- + Hệ thống cây xanh, cảnh quan.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; nước mưa chảy vào hồ điều hòa trước khi xả ra Kênh Trần Thành Ngọ và Hồ Chí Minh.

+ 01 hồ điều hòa RP3 có dung tích là 13.056 m<sup>3</sup>.

+ Hệ thống thu gom nước thải và 01 trạm xử lý nước thải tập trung được nâng cấp từ Trạm XLNT TT có công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 25.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN Thăng Long II (giai đoạn 1 và 2) (trừ nước thải sản xuất của Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II và Công ty TNHH Kyocera Việt Nam nằm trong KCN Thăng Long II giai đoạn 1) đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra kênh Trần Thành Ngọ (việc nâng cấp trạm XLNT TT lên công suất 25.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm chưa xây dựng).

*1.3.1.3. Các hạng mục mở rộng, điều chỉnh (được đánh giá tác động môi trường trong Dự án), bao gồm:*

+ Hoạt động nâng công suất Trạm xử lý nước cấp từ 24.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm lên 39.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ San nền, đào đắp tạo mặt bằng xây dựng các công trình trên diện tích 180,5 ha.

+ Hệ thống đường giao thông nội bộ và kết nối với đường giao thông bên ngoài trên diện tích 180,5 ha.

+ Hệ thống chiếu sáng và hệ thống thông tin liên lạc trên diện tích 180,5 ha.

+ Hệ thống cấp nước trên diện tích 180,5 ha.

+ Hệ thống cây xanh, cảnh quan trên diện tích 180,5 ha.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa trên diện tích 180,5 ha; nước mưa chảy vào hồ điều hòa trước khi xả ra Kênh Trần Thành Ngọ và Hồ Chí Minh

+ 02 hồ điều hòa RP4 và RP5 có dung tích lần lượt là 9.880 m<sup>3</sup> và 24.814 m<sup>3</sup>.

+ Nâng cấp Hệ thống thu gom nước thải và Trạm XLNT TT có công suất 33.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (nâng công suất từ Trạm XLNT TT công suất 25.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm) tiếp nhận nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN Thăng Long II (giai đoạn 1,2 và 3) (trừ nước thải sản xuất của Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II và Công ty TNHH Kyocera Việt Nam nằm trong KCN Thăng Long II giai đoạn 1) để xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ( $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$  và  $K_{hy} = 0,85$ ) trước khi xả ra kênh Trần Thành Ngọ. Trạm XLNT TT gồm 05 đơn nguyên trong đó 03 đơn nguyên đã xây dựng có tổng công suất 15.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; 02 đơn nguyên chưa xây dựng có công suất 9.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm/đơn nguyên; các đơn nguyên dùng chung bể gom nước thải đầu vào và hồ chứa nước thải sau xử lý.

*1.3.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:*

- Giai đoạn thi công:

+ Hoạt động chuẩn bị: thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn trên diện tích 180,5 ha.

+ Hoạt động thi công: xây dựng hạ tầng (giao thông, cấp nước, 03 mô đun của trạm xử lý nước cấp công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm/mô đun, cấp điện, thông tin liên lạc, chiếu sáng, thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải, 02 đơn nguyên của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 9.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm/đơn nguyên).

+ Hoạt động khác: (i) Hoạt động của cán bộ công nhân tham gia thi công

các hạng mục công trình dự án; (ii) Hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển tham gia thi công các hạng mục công trình dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động xây dựng, hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp trong KCN có ngành nghề phù hợp với tính chất của KCN đầu tư vào KCN.

+ Hoạt động giao thông ra vào KCN của người lao động, vận chuyển nguyên vật liệu hàng hóa, sản phẩm của các nhà máy thứ cấp trong KCN.

+ Quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong KCN đảm bảo các cho hoạt động ổn định của các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN.

#### **1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Dự án có chuyên đổi khoảng 132 ha đất trồng lúa thành đất công nghiệp. Diện tích chuyên đổi này nằm trong tổng diện tích đất trồng lúa được phép chuyển sang đất phi nông nghiệp của tỉnh Hưng Yên tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016-2020.

Dự án phát sinh nước thải công nghiệp có lưu lượng xả thải lớn nhất là 33.000 m<sup>3</sup>/ngày. đêm và xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận là kênh tiêu Trần Thành Ngọ thuộc hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải.

### **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:**

- Giai đoạn thi công:

+ Thu hồi đất, giải phóng mặt bằng: phát sinh chất thải rắn xây dựng; phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

+ Thi công hạ tầng (giao thông, cấp nước, 03 đơn nguyên của trạm xử lý nước cấp công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm/đơn nguyên, cấp điện, thông tin liên lạc, chiếu sáng, thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải, 02 đơn nguyên của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 9.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm/đơn nguyên): phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, chất thải rắn xây dựng.

+ Hoạt động của công nhân tham gia thi công: phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

+ Hoạt động của phương tiện vận chuyển vật liệu thi công: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

+ Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn; Phát sinh chất thải nguy hại.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động giao thông ra vào KCN của người lao động, vận chuyển nguyên vật liệu hàng hóa, sản phẩm của các nhà máy thứ cấp trong KCN: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

+ Hoạt động xây dựng, hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp trong KCN: bụi, khí thải phát sinh từ quá trình xây dựng; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất; chất thải sinh hoạt; chất thải công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

+ Hoạt động quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong KCN: chất thải sinh hoạt; nước thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

#### **3.1. Nước thải, khí thải:**

##### **3.1.1. Nước thải:**

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: trong giai đoạn san lấp mặt bằng và giai đoạn xây dựng, hoạt động của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần các thông số ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng xe, máy móc, thiết bị thi công dự tính khoảng 8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; thông số ô nhiễm chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), vi sinh vật, kim loại nặng, dầu mỡ khoáng, chất hoạt động bề mặt.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: tổng lượng nước thải sinh hoạt của công nhân, cán bộ và khách đến làm việc tại KCN khoảng 4.126 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt phát sinh chứa các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học như cacbon hydrat, protein, mỡ, chất dinh dưỡng (N, P), chất rắn lơ lửng, vi sinh vật gây bệnh.

+ Nước thải công nghiệp: mỗi ngành công nghiệp thu hút đầu tư tại Dự án có đặc trưng, tính chất nước thải khác nhau. Tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất công nghiệp khi KCN được lấp đầy khoảng 28.874 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nước mưa chảy tràn tại khu vực Dự án: lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn trong khu vực Dự án khoảng 21,69 m<sup>3</sup>/s. Chất ô nhiễm trong nước mưa bao gồm các chất lơ lửng, dầu mỡ và các tạp chất khác.

##### **3.1.2. Bụi, khí thải:**

- Giai đoạn thi công: Khí thải, bụi phát sinh từ các hoạt động san gạt, đào đắp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, nạo vét nền đất yếu và phát sinh do phương tiện, máy móc, bao gồm: TSP, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, hydrocacbon và VOC.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động đốt nhiên liệu sinh ra các chất gây ô nhiễm không khí như: CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, hydrocacbon, bụi.

+ Hoạt động phát sinh bụi, các loại khí thải khác nhau phát sinh từ dây chuyền công nghệ sản xuất của các nhà máy trong KCN tùy theo từng loại hình công nghệ và lĩnh vực ngành nghề.

+ Hoạt động của các trạm xử lý nước thải tại các nhà máy và trạm xử lý nước thải tập trung của KCN tạo ra khí thải và mùi hôi. Sự phát thải này phần lớn là từ quá trình phân hủy kỵ khí, khí thải gồm H<sub>2</sub>S, CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub> và các khí khác là sản phẩm của quá trình phân hủy kỵ khí. Trong đó, H<sub>2</sub>S là các chất gây mùi hôi chính, CH<sub>4</sub> là chất gây cháy nổ nếu bị tích tụ ở nồng độ nhất định.

#### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

##### **3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt:**

- Giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn xây dựng thải bỏ phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng ước tính khoảng 17.371,5 tấn, thành phần chủ yếu là gạch, đá, xi măng, sắt thép, gỗ, giấy....

+ Chất thải rắn từ hoạt động nạo vét đất bề mặt hữu cơ ước tính vào khoảng 445.123,5 m<sup>3</sup>, thành phần chủ yếu là bùn, đất sét pha.

+ Chất thải rắn sinh hoạt như: chất hữu cơ, bao bì, nylon và các chất dễ phân hủy khoảng 180 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại KCN có thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ, bao bì, nylon; ước tính khoảng 33,394 tấn/ngày.

### 3.2.2. *Chất thải rắn thông thường*

Giai đoạn thi công: chất thải rắn công nghiệp thông thường không có thành phần nguy hại phát sinh từ các hoạt động sản xuất của các nhà máy xí nghiệp trong KCN. Thành phần những chất thải rắn này phụ thuộc vào từng lĩnh vực, công nghệ sản xuất. Tổng lượng chất thải rắn phát sinh của toàn KCN ước tính khoảng 129,72 tấn/ngày.

### 3.2.3. *Chất thải nguy hại (CTNH):*

- Giai đoạn thi công:

+ CTNH gồm: bao bì dính dầu mỡ, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu thải... phát sinh tại giai đoạn san lấp và thi công xây dựng các hạng mục Dự án ước tính khoảng 11,2-15,4 kg/ngày.

+ Ngoài ra còn có dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công trên công trường khoảng 510 lít dầu thải/tháng.

- Giai đoạn vận hành: các hoạt động sản xuất công nghiệp, bảo dưỡng máy móc thiết bị phát sinh các CTNH như: giẻ lau dính dầu mỡ, cặn dầu thải từ các bể tách dầu, ắc quy, đèn huỳnh quang, pin và các loại CTNH khác, ước tính khoảng 17,29 tấn/ngày.

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước cấp được quản lý như đối chất thải nguy hại có khối lượng khoảng 9,08 tấn/ngày (tính trên tổng công suất thiết kế trạm xử lý nước cấp 39.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 8,33 tấn/ngày tính trên tổng công suất thiết kế trạm XLNT 33.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

### 3.3. *Tiếng ồn:*

- Giai đoạn thi công: tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng Dự án.

- Giai đoạn vận hành: tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện giao thông, tiếng ồn phát sinh trong quá trình vận hành của khu công nghiệp, tiếng ồn do hoạt động sản xuất của các máy móc, thiết bị,....

### 3.4. *Các tác động khác:*

- Giai đoạn thi công: tai nạn lao động, sự cố cháy nổ

- Giai đoạn vận hành: sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ nguyên liệu, sự cố mất an toàn giao thông và sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

### 4.1. *Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:*

#### 4.1.1. *Đối với thu gom và xử lý nước thải:*

- Giai đoạn thi công:

+ Nước thải sinh hoạt: toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tại các công trường thi công được thu gom vào khoảng 01 - 03 nhà

vệ sinh lưu động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển và xử lý khi đầy bể, không xả thải ra môi trường. Quy trình: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý định kỳ.

+ Nước thải thi công: bố trí hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích khoảng 03 m<sup>3</sup>/hồ để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa phương tiện, thiết bị thi công. Nước thải sau khi được bẫy dầu, lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa thiết bị, dụng cụ, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công, không xả thải ra môi trường. Đất, cát tại hố lắng được nạo vét và vận chuyển xử lý cùng chất thải thi công; váng dầu mỡ được thu gom định kỳ và vận chuyển đến kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời của Dự án. Quy trình xử lý: nước thải xây dựng → hố lắng → tách dầu → lắng cặn → tuần hoàn rửa thiết bị, dụng cụ, làm ẩm vật liệu thi công, đất, đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi.

+ Nước mưa chảy tràn: được thu gom vào hệ thống mương, rãnh xung quanh Dự án chảy về hệ thống các hố lắng kích thước khoảng L x B x H = (2 x 1,5 x 1) m/hố, với khoảng cách khoảng 800 m/hố, bố trí dọc theo hướng thoát nước, nước sau lắng cặn được thoát ra kênh Trần Thành Ngọ và kênh Hồ Chí Minh. Quy trình xử lý: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước → hố lắng → kênh Trần Thành Ngọ và kênh Hồ Chí Minh.

- Giai đoạn vận hành:

(i) Nước mưa chảy tràn:

+ Nước mưa chảy tràn được thiết kế tách biệt với hệ thống thoát nước thải, mạng lưới thoát nước mưa với hướng thoát vào kênh Trần Thành Ngọ và kênh Hồ Chí Minh.

+ Tuyến cống thoát nước được xây dựng theo nguyên tắc tự chảy và tận dụng tối đa độ dốc tự nhiên, độ dốc san nền.

+ Bố trí các hố ga trên hệ thống thoát nước, khoảng cách trung bình giữa các hố ga là 21 m.

(ii) Nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại khu điều hành trong KCN được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi được thu gom về Trạm XLNT tập trung để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định; nước thải sinh hoạt tại các dự án thứ cấp sẽ được thu gom xử lý tại các dự án đầu tư thứ cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Khu công nghiệp theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và các nhà đầu tư thứ cấp, sau đó được dẫn về Trạm XLNT tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn môi trường theo quy định.

(iii) Nước thải sản xuất

+ Nước thải sản xuất từ các nhà máy thứ cấp (trừ nước thải sản xuất của Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam II và Công ty TNHH Kyocera Việt Nam nằm trong KCN Thăng Long II (giai đoạn 1)) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng công nghệ phù hợp theo đặc thù của loại hình sản xuất đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Khu công nghiệp theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và các nhà đầu tư thứ cấp, sau đó được thu gom, xử lý tại Trạm XLNT tập trung của KCN đạt tiêu chuẩn QCVN 02:2019/HY- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ( $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$  và  $K_{hy} = 0,85$ ) trước khi xả

vào nguồn tiếp nhận là kênh tiêu Trần Thành Ngọ.

+ Tiêu chuẩn chất lượng nước thải của KCN đối với các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN trước khi dẫn về Trạm XLNT tập trung của KCN có các chỉ tiêu như sau: BOD<sub>5</sub>: 300 mg/l; COD: 350 mg/l; SS: 200 mg/l; T-N: 60 mg/l; T-P: 15 mg/l; pH: 6-9; amoni: 15 mg/l; các chỉ tiêu còn lại theo QCVN 40:2011/BTNMT đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$ .

+ Trạm XLNT tập trung của Dự án có tổng công suất 33.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được xây dựng tại khu kỹ thuật của KCN Thăng Long II (giai đoạn 1) 5,65 ha gồm 05 đơn nguyên có chung bể gom nước thải và hồ chứa nước thải sau xử lý trong đó 03 đơn nguyên đã xây dựng và đi vào vận hành ổn định.

+ Công nghệ xử lý nước thải của các đơn nguyên xử lý nước thải:

(i) Đơn nguyên xử lý nước thải số 01 công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Nước thải → Bể gom nước thải → Ngăn tách cát → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → kênh Trần Thành Ngọ.

(ii) Đơn nguyên xử lý nước thải số 02 công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Nước thải → Bể gom nước thải → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể trung gian → Bể trộn → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → kênh Trần Thành Ngọ.

(iii) Đơn nguyên xử lý nước thải số 03 công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Nước thải → Bể gom nước thải → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể tiêu bùn (1&2) → Bể trộn → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → kênh Trần Thành Ngọ.

(iv) Đơn nguyên xử lý nước thải số 04 và số 05 công suất 9.000 m<sup>3</sup>/đơn nguyên: Nước thải → Bể gom nước thải → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể tiêu bùn (1&2) → Bể trộn → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý → kênh Trần Thành Ngọ.

*4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải:*

- Giai đoạn thi công:

+ Đóng cọc và làm hàng rào bằng tôn che chắn xung quanh khu vực Dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh.

+ Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc đã được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Bảo đảm diện tích cây xanh trong toàn KCN theo quy định của pháp luật về quản lý KCN nhằm hạn chế ô nhiễm do khí thải giao thông vận tải.

+ Sử dụng xe phun nước dùng để tưới đường giao thông trong phạm vi Khu công nghiệp, nhất là vào những ngày nắng nóng, khô hạn.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trong Khu công nghiệp sử dụng các nhiên liệu không độc hại hoặc ít độc hại (như sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp).

+ Sử dụng các phương pháp sản xuất không phát sinh bụi hoặc thay thế phương pháp gia công nhiều bụi bằng phương pháp gia công ướt ít phát sinh bụi.

+ Thực hiện nghiêm túc chế độ vận hành, định lượng chính xác nguyên vật liệu, chấp hành đúng quy trình công nghệ nhằm bảo đảm an toàn sản xuất, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm tại các nhà máy, xí nghiệp trong Khu công nghiệp.

+ Tuân thủ thiết kế, vận hành và trồng cây xanh quanh khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh.

+ Thành lập tổ vệ sinh chuyên trách, thường xuyên vệ sinh, quét dọn khu vực Dự án.

#### **4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan của tỉnh Hưng Yên.

*4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:*

- Giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: trang bị 03 thùng đựng rác có nắp đậy thể tích 220 lít có nắp đậy kín đặt tại công trường để thu gom rác sinh hoạt. Lượng rác thải trên sẽ được nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hằng ngày đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất đá thải trước khi thực hiện thi công và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Các biện pháp quản lý, xử lý gồm:

(i) Đất thải phát sinh từ quá trình bóc tách lớp đất mặt được thu gom, lưu trữ và sử dụng trồng cây xanh trong khu vực Dự án theo quy định.

(ii) Thu gom đất đá, vật liệu xây dựng, vỏ các bao bì xi măng, cốt ép, gỗ đưa vào các vị trí trên khuôn viên khu đất xây dựng Dự án. Bao bì, cốt ép, gỗ... được tái sử dụng vào các mục đích khác hoặc bán phế liệu, đất đá vật liệu xây dựng được tận dụng san gạt mặt bằng.

(iii) Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn và thường xuyên vệ sinh trong suốt giai đoạn xây dựng. Hạn chế các chất thải phát sinh trong thi công.

(iv) Tận dụng triệt để các loại phế liệu xây dựng phục vụ cho chính hoạt động xây dựng của Dự án.

(v) Sử dụng vật liệu xây dựng quy cách, đúng tiêu chuẩn tránh thừa gây lãng phí.

(vi) Các phế thải còn lại không sử dụng được thu gom cùng rác thải sinh hoạt của công nhân vận chuyển đi xử lý hợp vệ sinh bởi đơn vị có chức năng được thuê.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động quản lý điều hành của Dự án được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy tại các vị trí quy định và định kỳ được đơn vị có chức năng đến vận chuyển, xử lý.

+ Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong KCN được các nhà máy tự hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

**4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

- Giai đoạn thi công: bố trí khoảng 03-05 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích khoảng 200 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động quản lý điều hành của Công ty (trừ bùn thải của trạm xử lý nước thải và trạm xử lý nước cấp) được thu gom đưa về kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m<sup>2</sup> và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung sau khi được ép sẽ được lưu chứa tại khu vực lưu bùn thải diện tích 196 m<sup>2</sup> (bao gồm cả khu vực đặt máy ép bùn). Bùn thải được chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng xử lý.

+ Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước cấp sau khi được ép sẽ được lưu chứa tại 02 khu vực lưu bùn thải diện tích lần lượt là 306 m<sup>2</sup> và 105 m<sup>2</sup> (bao gồm cả khu vực đặt máy ép bùn). Bùn thải được chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng xử lý.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong Khu công nghiệp do các nhà máy thứ cấp ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:**

- Giai đoạn thi công: sử dụng các thiết bị, phương tiện tham gia thi công, vận chuyển nguyên vật liệu phải được kiểm định, đăng kiểm và bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: phương tiện vận chuyển lưu thông trong KCN thực hiện đăng kiểm, kiểm định theo quy định.

**4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

**4.4.1. Giai đoạn thi công:**

- Biện pháp an toàn lao động: xây dựng và ban hành nội quy làm việc tại công trường, bao gồm nội quy ra vào công trường, nội quy về an toàn lao động, các quy định về việc sử dụng các máy móc, thiết bị; công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng được phổ biến về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp an toàn về cháy, nổ: phương án phòng chống cháy, nổ phải được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định; các thiết bị

điện được cách điện an toàn trong quá trình thi công xây dựng; trên công trường sẽ bố trí các bình chữa cháy nhằm bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy.

#### 4.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Công trình và biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố Trạm XLNT tập trung: 01 hồ ứng phó sự cố (đã xây dựng) cho trạm xử lý nước thải tập trung có thể tích 66.000 m<sup>3</sup>. Thành hồ được xây bằng đá hộc trát xi măng để ngăn ngừa nước thải thấm thấu ra môi trường đất. Mực nước trong hồ được duy trì ở cao độ +0,3 m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải:

+ Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn tự chảy về bể gom nước thải đầu vào của các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại hoặc dẫn về hồ sự cố trước khi bơm về các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

+ Trường hợp 01 trong 03 đơn nguyên xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị, nước thải được xử lý bằng các đơn nguyên còn lại, đồng thời nước thải từ đơn nguyên bị sự cố được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể gom nước thải đầu vào của các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý lại.

+ Trường hợp 02 hoặc cả 03 đơn nguyên xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải tại các đơn nguyên và nước thải đầu vào sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về các đơn nguyên xử lý nước thải để xử lý.

+ Ban hành tiêu chuẩn đầu nổi nước thải trong khu công nghiệp, buộc các doanh nghiệp thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nổi trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

+ Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Biện pháp an toàn cháy nổ: trang bị các thiết bị phòng cháy, chữa cháy được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

- Sự cố rò rỉ nguyên liệu: hệ thống kho bể chứa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn (bao gồm các hệ thống làm mát, van thoát hơi, hệ thống chống sét, hệ thống cứu hỏa...), cùng với các cơ quan chức năng lập phương án cấp cứu xử lý sự cố rò rỉ, thường xuyên tổ chức thực hiện diễn tập công tác ứng cứu khi xảy ra sự cố.

- Sự cố mất an toàn giao thông: bố trí kế hoạch vận chuyển nguyên nhiên vật liệu và sản phẩm hàng hóa hợp lý nhằm hạn chế tai nạn giao thông có thể xảy ra trong khu vực Dự án. Tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về trang bị biển báo chỉ dẫn tại các nút giao thông, phân luồng đường và bố trí đèn tín hiệu giao thông

tại các ngã tư trong KCN, đồng thời có các bảng chỉ dẫn giao thông phù hợp trên tất cả các tuyến.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:**

### **5.1. Trong giai đoạn xây dựng:**

#### a. Giám sát nước mặt

- Số điểm giám sát: 02 điểm.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm nước mặt trên kênh Hồ Chí Minh đoạn qua KCN Thăng Long II (giai đoạn 3).

+ 01 điểm nước mặt trên kênh Trần Thành Ngọ đoạn qua KCN Thăng Long II (giai đoạn 3).

- Thông số giám sát: pH, COD, DO, BOD<sub>5</sub>, TSS, NO<sub>2</sub>, NO<sub>3</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, F<sup>-</sup>, H<sub>2</sub>S, Fe tổng, As, Hg, Zn, Cu, Pb, Cd, dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

#### b. Giám sát môi trường không khí

- Số điểm giám sát: 03 điểm.

- Vị trí giám sát:

+ Gần nghĩa trang Phường Phùng Chí Kiên tiếp giáp Dự án về phía Bắc.

+ Trên đường tỉnh 387 gần nhà máy Đại Việt tiếp giáp Dự án về phía Đông.

+ Trên đường giao thông nội bộ của thôn Đông Thanh, xã Hưng Long tiếp giáp Dự án về phía Nam.

- Thông số giám sát: Bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, ồn, rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

#### c. Giám sát khác

- Giám sát chất thải rắn tại khu vực lán trại trong quá trình thi công.

- Giám sát chất lượng bùn vớt hữu cơ.

### **5.2. Trong giai đoạn vận hành**

a. Thực hiện xây lắp, hoàn thiện và vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### b. Quan trắc nước thải tự động liên tục:

- Thông số quan trắc gồm: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, Nhiệt độ, COD, TSS, Amoni, Độ màu, Tổng nitơ và Tổng photpho.

- Vị trí lắp đặt: Điểm xả nước thải sau Trạm XLNT TT của KCN Thăng Long II trước khi thải vào hồ chứa nước thải sau xử lý.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp với hệ số K<sub>q</sub> = 0,9, K<sub>f</sub> = 0,9 và K<sub>hy</sub> = 0,85.

#### c. Quan trắc nước thải định kỳ:

- Nước thải trước xử lý:
  - + Thông số giám sát: nhiệt độ, pH, BOD<sub>5</sub>, As, Hg, Pb, Cd, Crom (VI), Crom (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng Xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Clorua, Clo dư, Coliform, COD, TSS, độ màu, amoni (tính theo N), Tổng nitơ và Tổng phot pho.
  - + Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu vào trạm XLNT TT.
  - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
  - + Quy chuẩn so sánh: quy chuẩn theo thỏa thuận của Chủ dự án với các nhà đầu tư thứ cấp (như tại Mục 4.1.1 của Phụ lục này).
- Nước thải sau xử lý:
  - + Thông số giám sát: nhiệt độ, pH, BOD<sub>5</sub>, As, Hg, Pb, Cd, Crom (VI), Crom (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Tổng Xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Clorua, Clo dư, Coliform, COD, TSS, Độ màu, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ và Tổng phot pho.
  - + Vị trí giám sát: 01 vị trí đầu ra của trạm XLNT TT.
  - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
  - + Quy chuẩn so sánh: QCDP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp với hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$  và  $K_{hy} = 0,85$ .

#### **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:**

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Chỉ triển khai xây dựng Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện hoàn trả kênh mương thủy lợi trong khu vực theo quy định của pháp luật và theo Biên bản làm việc giữa Chủ dự án và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền liên quan.
- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.2 Phụ lục này và phù hợp với các văn bản đồng ý về chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và sau khi đã hoàn thành việc xây dựng trạm XLNT tập trung của Dự án.
- Các phân khu chức năng của Dự án phải được bố trí bảo đảm thuận lợi cho công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tăng cường khả năng tái sử dụng, tái chế chất thải, tiết kiệm năng lượng và cộng sinh công nghiệp. Các dự án đầu tư thứ cấp phải được bố trí bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật để giảm thiểu khả năng ảnh hưởng đến các cơ sở khác và các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh Dự án.
- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên tổ chức thực hiện các công tác bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động, phòng ngừa phó sự cố môi trường của Dự án; phối hợp tổ chức kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các nhà đầu tư thứ cấp theo quy định của pháp luật. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên theo quy định.
- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư thứ cấp khi đăng ký đầu tư vào Khu công nghiệp. Ban hành quy chế

về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng và an toàn lao động trong xây dựng.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp phát sinh trong các giai đoạn của Dự án, bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành về môi trường; bảo đảm vệ sinh môi trường và giảm thiểu các tác động xấu tới cộng đồng dân cư xung quanh và hệ thủy sinh trong khu vực.

- Vận hành hệ thống hồ ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố với Trạm XLNT tập trung.

- Bố trí các lán trại công nhân, kho bãi chứa nguyên vật liệu, đất bóc hữu cơ và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, cuộc sống của dân cư, các hoạt động văn hóa, kinh tế, xã hội của địa phương trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công, vận hành Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp phòng chống và xây dựng kế hoạch ứng cứu đối với các sự cố xảy ra trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án như: sự cố cháy, nổ, điện giật, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, sụt lún và các sự cố môi trường khác.

- Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông đường thủy, đường bộ của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh.

- Tuân thủ Điều 49 về trách nhiệm của Chủ dự án trong bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.